

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1608/SGDDĐT-KHTC
V/v hướng dẫn thực hiện các khoản thu
đầu năm học 2018 - 2019

Hung Yên, ngày 24 tháng 9 năm 2018

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, TP
- Các trường THPT, các Trung tâm GDNN - GDTX
- Trung tâm GDTX tỉnh, GDTX Phố Nối
- Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo

Trong khi chờ Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thực hiện Nghị quyết số 154 /2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tỉnh Hưng Yên từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 – 2021, để kịp thời cho các đơn vị nhà trường thực hiện các khoản thu đầu năm học mới 2018-2019, ngày 17 tháng 8 năm 2018 Sở Giáo dục và Đào tạo đã ra công văn số 1390/SGDDĐT-KHTC hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

Trong quá trình thực hiện triển khai tại một số đơn vị nhà trường có nảy sinh một số vấn đề bất cập, vì vậy nay Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc thực hiện các khoản thu đầu năm học mới 2018-2019 như sau:

I- HỌC PHÍ:

Nghị quyết số 154 /2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 13 tháng 7 năm 2018 quy định mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tỉnh Hưng Yên từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 – 2021 quy định:

1. Học phí đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập

Đơn vị: tháng/học sinh

| TT | Cấp học | Mức thu (1.000 đồng) | |
|----|----------------------|----------------------|-------------------|
| | | Khu vực nông thôn | Khu vực thành phố |
| 1 | Mầm non: | | |
| | - Nhà trẻ | 63 | 82 |
| | - Mẫu giáo | 50 | 70 |
| 2 | Trung học cơ sở | 44 | 60 |
| 3 | Trung học phổ thông | 57 | 70 |
| 4 | THPT Chuyên Hưng Yên | | 80 |

Trong đó: Khu vực thành phố gồm các cơ sở giáo dục đóng tại địa bàn các phường thuộc thành phố Hưng Yên. Khu vực nông thôn gồm các cơ sở giáo dục đóng tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc huyện, thành phố.

b) Phương thức thu

Học phí được thu định kỳ hàng tháng. Nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học.

Đối với các trường phổ thông, học phí thu 9 tháng/năm học; các cơ sở giáo dục mầm non thu theo số tháng thực học.

Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

2. Cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông ngoài công lập tự quyết định mức thu học phí, báo cáo cơ quan quản lý giáo dục cấp trên và thông báo công khai mức thu học phí từng năm học theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tỉnh Hưng Yên từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và các văn bản hướng dẫn.

II- MỘT SỐ KHOẢN THU KHÁC:

Hiện nay Sở Giáo dục và Đào tạo đang trình và đề nghị UBND mức thu các khoản thu khác từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 – 2021 như sau:

1. Các khoản thu dịch vụ

| TT | Nội dung | Mức thu khu vực nông thôn (đồng/tháng) | Mức thu khu vực thành phố (đồng/tháng) |
|-----------|---|---|---|
| 1 | Tiền trông xe cho học sinh | | |
| | + Xe đạp | 6.000 | 7.000 |
| | + Xe đạp điện | 12.000 | 15.000 |
| 2 | Tiền điện thắp sáng và chạy quạt lớp học | 7.000 | 8.000 |
| 3 | Tiền nước uống của học sinh | 6.000 | 7.000 |
| 4 | Tiền thuê dọn vệ sinh | 5.000 | 5.000 |
| 5 | Tiền nội trú Ký túc xá | | 80.000 |
| 6 | Tiền học thêm | (đồng/tiết) | |
| | + Trung học cơ sở | 2.500 | 3.000 |
| | + Trung học phổ thông | 3.000 | 3.500 |
| | + THPT Chuyên Hưng Yên | | 4.500 |

2. Tiền tổ chức ăn bán trú, chăm sóc bán trú, đồ dùng cá nhân của học sinh bán trú

Mức thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh; được UBND cấp xã nơi nhà trường đóng và phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (Đối với các đơn vị nhà trường do phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố quản lý);

3. Đồng phục học sinh

Thực hiện theo Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên.

Căn cứ vào điều kiện của nhà trường và được cha mẹ học sinh đồng thuận về chủ trương, Hiệu trưởng quyết định việc mặc đồng phục và quy định kiểu dáng, màu sắc, số ngày mặc đồng phục trong tuần. Phụ huynh học sinh hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức việc may hoặc mua đồng phục theo đúng quy định.

4. Quỹ Hội cha mẹ học sinh

Thực hiện theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh và các văn bản khác của Nhà nước.

5. Các nguồn thu tài trợ

Thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản khác của Nhà nước.

6. Tiền bảo hiểm y tế, quỹ đoàn, quỹ đội, chữ thập đỏ

Thực hiện theo quy định hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Căn cứ vào tình thực tế tại địa phương, thực tế tại các nhà trường Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị thực hiện triển khai theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước tại địa phương, tại các đơn vị nhà trường. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi: Đề thực hiện;
- Sở Tài chính; KBNN; Cục Thuế: Đề phối hợp;
- Sở Lao động – TB và XH: Đề phối hợp;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC. *h*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Văn Khải